TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2019/DS-PT
Ngày 19 tháng 11 năm 2019
v/v "Đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh

Ông Trương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2019/TLPT-DS ngày 18-9-2019 về việc "Đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 23-7-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 147/2019/QĐ-PT ngày 11-10-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: ông Trần A, sinh năm 1947; Địa chỉ: tổ 4, thôn G, xã H, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn B, sinh năm 1960; Hộ khẩu thường trú: thôn 7, xã X, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: tổ 8, khu phố L, phường K, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án:*

3.1. Bà Lê Thị C, sinh 1952 (vợ của ông Trần A); địa chỉ: tổ 4, thôn G, xã H, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thị D, sinh năm 1965 (vợ của ông Nguyễn B); địa chỉ: tổ 8, khu phố L, phường K, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Ông Trần E, sinh năm 1984, bà Nguyễn E1, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: thôn M, xã H, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Trần A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần A trình bày:

Ông Trần A yêu cầu ông Nguyễn B, bà Lê Thị D phải bồi thường cho mình tổng số tiền 235.878.640 đồng do có hành vi chiếm dụng trái phép đất và gây thiệt hại sau khi chiếm đất, cụ thể:

- Tại thời điểm năm 2014 ông B chiếm đất thì trên diện tích đất 665m^2 thuộc thửa 1236, 312 và 312a tờ bản đồ số 23 tọa lạc xã H do ông A có quyền sử dụng, ông A có trồng khoảng 100 cây chuối, ông B đã chặt bỏ để làm trang trại. Trong thời gian từ 3/2014- 12/2017 ông A ước tính năm 2014 là 100 gốc chuối sứ đến năm 2017 thành 400 gốc sẽ cho 2.240kg, giá tiền 114.000.000 đồng.

Ông B nuôi gà và vịt từ năm 2014 đến tháng 6/2016 khoảng 3.000 đến 4.000 con (trong đó có 500 con vịt đẻ nuôi ở lòng suối) làm sạt lở đất bờ suối chiều dài 97m, rộng bình quân từ 1-1,5 m, sâu 2-2,7 m. Tiền khắc phục sạt lở ông A ước tính 110.000.000 đồng.

Năm 2014, ông B thuê máy múc để đắp gia cố móng tường nhà, làm gãy 4 cây gỗ dầu do ông A trồng. Yêu cầu bồi thường giá trị ước tính 4 triệu đồng.

Quá trình xây dựng nhà ông B để gạch đá, vật liệu xây dựng vương vãi, cần phải dọn vệ sinh. Ông A ước tính phải thuê 01 ca máy múc dọn dẹp giá 4 triệu đồng.

Gia đình ông B trước lúc rời khỏi khu vực đất lấn chiếm trái phép đã làm hư hỏng đường dây điện, cáp, nước của ông A. Yêu cầu bồi thường 2.600.000 đồng.

Ông B chăn nuôi Vịt, đổ máng bêtông dưới lòng suối gây tắc dòng chảy, ông A ước tính tiền công khơi thông lòng suối 1.200.000 đồng.

Ông B khi xây nhà có mượn 600 viên đá chẻ, yêu cầu thanh toán trả tiền 03 triệu đồng.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lần hòa giải ông Nguyễn B trình bày:

Ông B không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Lý do không chấp nhận: Ông B không chiếm dụng đất của ông A, ông B chỉ sử dụng diện tích đất 5m x 37m thuộc thửa 312 và 1326 tờ bản đồ 23 thuộc xã H mà ông A chuyển nhượng cho ông B năm 2014; cũng trong năm 2014 ông B xây nhà và sinh sống trên đất. Chính căn nhà và diện tích đất nhận chuyển nhượng nêu trên sau này có tranh chấp và đã được Tòa án hai cấp tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu giải quyết. Ngoài ra gia đình ông B không sử dụng thêm diện tích đất nào của ông A.

Tại thời điểm ông B nhận chuyển nhượng đất của ông A trên đất không có vật kiến trúc, cây cối và hoa màu gì.

Ông B không nuôi gà vịt với số lượng lớn như ông A trình bày để gây ra sạt lở đất, đồng thời không đổ máng cho vịt ăn gây tắc dòng suối chảy.

Quá trình xây nhà ông B không gây thiệt hại cây gỗ dầu và các loại cây cối khác. Sau khi hoàn tất xây nhà ông B thực hiện thu gom các vật liệu dư thừa, rơi vãi.

Về đường điện, nước và cáp truyền hình khi xây nhà và quá trình sinh sống trên đất ông B tự bỏ tiền xây dựng; tuy nhiên ông nhờ anh Trần E (con rể) đứng tên dùm vì vợ chồng ông B lúc bấy giờ chưa đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Tại thời điểm gia đình ông B rời khỏi căn nhà thì đường điện, nước và cáp tivi vẫn còn nguyên, để lại cho vợ chồng anh E, chị E1 sử dụng và phải nộp tiền trong thời gian họ sử dụng. Như vậy sau này ai sử dụng đường điện, nước và cáp tivi thì phải thanh toán chi phí xây dựng cho ông B khi có yêu cầu.

Vợ chồng ông B, bà D và thợ xây nhà không vay, mượn hoặc lấy đá chẻ của ông A để xây nhà cho ông B.

Tại biên bản hòa giải bà Lê Thị D (vợ của ông B) trình bày: Hoàn toàn đồng ý với nội dung trình bày của ông B, không bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai vợ chồng ông Trần E, bà Nguyễn E1 viết: Vào cuối năm 2013 ông Trần A (bố đẻ ông Trần E) có chuyển nhượng cho vợ chồng ông E, bà E1 diện tích đất 5m x 37m, đồng thời cho ông E diện tích đất 5m x 37m (2 lô đất năm liền kế nhau).

Đầu năm 2014 ông A, bà C chuyển nhượng cho ông B, bà D diện tích đất 5m x 37m nằm liền kế đất của ông E, bà E1 nói trên; ông B, bà D sau đó đã xây nhà. Do tại thời điểm xây nhà ông B, bà D chưa có hộ khẩu và giấy tờ đất hợp pháp; vì vậy, ông B nhờ ông E, bà E1 đứng tên để lắp đặt đồng hồ điện, nước và cáp truyền hình; Toàn bộ chi phí đều do ông B bỏ ra.

Năm 2015 ông E, bà E1 xây dựng nhà trên đất nhận chuyển nhượng và tặng cho từ ông A. Trong quá trình sống gia đình ông E, bà E1 và gia đình ông B cùng sử dụng chung đường điện, nước, cáp truyền hình và chia nhau trả tiền. Ngoài ra, ông B có nuôi 01 số gà để cải thiện cuộc sống gia đình, nhưng số lượng cụ thể không biết.

Tháng 8/2016 ông E, bà E1 chuyển đi nơi khác sinh sống. Tháng 5/2017 căn nhà và quyền sử dụng đất ông E, bà E1 đã chuyển nhượng cho ông A, bà C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 23-7-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ: Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần A về việc buộc bị đơn ông Nguyễn B phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tổng số tiền 235.118.640 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm mười tám ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của phía bị đơn ông Nguyễn B, bà Lê Thị D về việc "nhận lại tài sản" theo nội dung đơn khởi kiện lập ngày 08/10/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06-8-2019 nguyên đơn ông Trần A có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản

án sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 23-7-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần A buộc ông B, bà D bồi thường cho ông 243.864.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: việc kháng cáo của ông A không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần A gửi trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 23-7-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo trình tự phúc thẩm.

[2] Sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án, nên xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Trần A yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 23-7-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A buộc ông B, bà D bồi thường cho ông 243.864.000đ.

Căn cứ vào các chứng từ, tài liệu có trong hồ sơ Hội đồng xét xử thấy:

Đầu năm 2014 ông Trần A và bà Lê Thị C chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn B, bà Lê Thị D quyền sử dụng đất 185m^2 thửa 312 và 1326 tờ bản đồ số 23 xã H, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; ngày 07-3-2014 ông B đã xây dựng nhà cấp 4 sinh sống. Quá trình sinh sống giữa ông A và ông B xảy ra tranh chấp về việc chuyển nhượng 185m^2 đất trên, kết quả tại bản án dân sự phúc thẩm số 22/2018/DS-PT ngày 08-3-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã có hiệu lực pháp luật, đã tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông B, bà D và ông A, bà C đối với diện tích đất 185m^2 thửa 312 và 1326 tờ bản đồ số 23 xã H; giao toàn bộ công trình xây dựng trên đất cho ông A, bà C sử dụng; ông A, bà C có nghĩa vụ

trả cho ông B, bà D số tiền 71.388.000đ (giá trị nhà và công trình do ông B xây dựng). Như vậy có căn cứ xác định ông B, bà D xây nhà sinh sống trên phần đất do ông A, bà C chuyển nhượng.

Ngày 28-3-2018 ông A khởi kiện ông B, bà D tại Tòa án; Ông A cho rằng ông B chiếm dụng đất sử dụng và đã gây ra thiệt hại nên ông yêu cầu ông B, bà D phải bồi thường, cụ thể là bồi thường như sau: Hoa màu có trước năm 2013 là 114.000.000đ; 97m bờ suối bị sạt lở là 104.000.000đ; 20 công để khắc phục là 6.000.000đ; 04 cây dầu tre trồng năm 2004 là 6.000.000đ; dọn vệ sinh 660m2 là 4.000.000đ; điện nước tháng 10/2016 là 2.600.000đ; vệ sinh thông dòng chảy 8m2 là 1.200.000đ; trả thay 03 hóa đơn điện nước là 318.640đ; 600 viên đá chẻ có trước năm 2013 là 3.000.000đ; sử dụng điện nước nhờ chưa trả tiền 2.131.000đ. Tổng cộng là 243.864.000đ.

Xét thấy tại sơ đồ vị trí đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ theo sự chỉ ranh của ông A lập ngày 12-4-2019 thể hiện trong tổng số diện tích đất 575m^2 ông A cho rằng ông B, bà D Chiếm giữ trái phép thì có 224m^2 là lòng suối (đất công thổ) đã bị ông A san lấp (thể hiện tại sơ đồ vị trí thửa đất lập ngày 12-4-2019) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thuộc quyền sử dụng của ông A, bà C. Diện tích còn lại 351m^2 thuộc 1 phần của 2 thửa đất số 312 và 1326 thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn gồm cả 185m^2 đất trước đây ông B sử dụng.

Đối với 97m bờ suối bị sạt lở, 20 công để khắc phục, vệ sinh thông dòng chảy 8m^2 đều là đất công không thuộc quyền sử dụng của ông A, bà D nên ông A, bà D yêu cầu bồi thường là không có căn cứ;

Đối với tiền điện nước tháng 10/2016 trả thay 03 hóa đơn điện nước, cáp truyền hình; năm 2014 ông B xây nhà thì năm 2015 vợ chồng ông Trần E (con ruột ông A), Nguyễn E1 (con ruột ông B) cũng xây nhà liền kề nhau và sinh sống, do ông B, bà D chưa đăng ký hộ khẩu tại xã H nên khi đăng ký lắp đặt đường điện, nước và cáp truyền hình phải đứng tên vợ chồng ông E, bà E1. Toàn bộ chi phí lắp đặt đều do gia đình ông B bỏ ra và ông E, bà E1 cùng sử dụng chung và chia nhau thanh toán tiền điện, nước và cáp; như vậy việc sử dụng điện, nước, cáp truyền hình không có liên quan gì đến gia đình ông A, nên ông A yêu cầu ông B, bà D bồi thường là không có căn cứ.

Đối với thiệt hại hoa màu có trước năm 2013, 04 cây dầu tre trồng năm 2004, dọn vệ sinh 660m^2, 600 viên đá chẻ có trước năm 2013, tiền điện sử dụng nhờ thì ông A không cung cấp được chứng từ, tài liệu để chứng minh thiệt hại trên là do ông B gây ra nên ông A yêu cầu ông B, bà D bồi thường là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông A không cung cấp được chứng từ, tài liệu gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ; Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B, bà D là hoàn toàn có căn cứ.

Như vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A; giữ

nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông A phải chịu 12.193.200đ án phí có giá ngạch, tuy nhiên ông A thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông A phải chịu 300.000đ, tuy nhiên ông A thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần A.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 23-7-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần A đối với ông Nguyễn B, về việc "Đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn B, bà Lê Thị D đối với ông Trần A, bà Lê Thị C về việc "Đòi lại tài sản" theo nội dung đơn khởi kiện lập ngày 08-10-2018.

3. Chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ, đo vẽ, định giá: ông Trần A phải nộp 6.500.000 đồng (sáu triệu, năm trăm ngàn đồng) (ông A đã nộp xong). Ông Nguyễn B, bà Lê Thị D phải nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) (ông B, bà D đã nộp xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Trần A do thuộc trường hợp người cao tuổi. Hoàn trả cho ông Trần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.021.000đ (Sáu triệu không trăm hai mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002632 ngày 17-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Hoàn trả cho ông Nguyễn B, bà Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 332.000đ (Ba trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005397 ngày 11-10-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Trần A do thuộc trường hợp người cao tuổi.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19-11-2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thị xã Phú Mỹ;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Hiếu